



pū tiān gài dì

铺天盖地

idiom · to blot out the sky and cover the earth; overwhelming

Example Sentences

dà xuě pū tiān gài dì dì xià le yì zhěng yè
大雪铺天盖地地下了一整夜。

The heavy snow fell all over the sky and earth
for a whole night.

Guān yú zhè gè xīn wén de bào dào pū tiān gài dì
关于这个新闻的报道铺天盖地。

Coverage of this news is overwhelming.

Trace each character, then write the word on your own.

铺	铺	铺	铺	铺	铺	铺	铺	铺	铺	铺
铺	铺	铺	铺							
天	天	天	天	天	天	天				
盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖
盖	盖	盖								

铺天盖地